

Số: 29/2024/QĐST-LĐ

Trảng Bàng, ngày 18 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: ông Phạm Minh Tú.

Thư ký phiên họp: anh Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên họp:
ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 17/2023/TLST-LĐ ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số 25/2024/QĐST-LĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** chị Dương Thị Mỹ G, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ E, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH S; địa chỉ: Lô A KCX L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- **Người đại diện theo pháp luật:** ông LEI HOU CHONG, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- **Người đại diện theo ủy quyền:** chị Hoàng Thị Ngọc A, chức vụ: Phó tổng giám đốc (Theo Quyết định bổ nhiệm ngày 06/03/2023) - Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bảo hiểm xã hội thị xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: số C L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: chị Lâm Thị Hồng T, chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã T (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Chị Dương Thị Kim N, sinh năm 1991; địa chỉ: số F khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình giải quyết việc lao động - người yêu cầu giải quyết việc dân sự – chị Dương Thị Mỹ G trình bày:

Năm 2007, chị Dương Thị Mỹ G có cho em ruột là chị Dương Thị Kim N mượn giấy chứng minh nhân dân để xin vào làm công nhân tại Công ty TNHH S. Qua thời gian thử việc, chị N đã làm việc chính thức và được Công ty T1 với số bảo hiểm là 4507022479 dưới tên Dương Thị Mỹ G. Chị N đã đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH S từ tháng 11/2007 đến tháng 7/2008.

Năm 2008, chị G làm việc tại Công ty TNHH H và được tham gia bảo hiểm với số sổ là 7208010713, đóng bảo hiểm từ tháng 6/2008 đến tháng 12/2008 thì thôi việc.

Năm 2011, chị G làm tại Công ty R và được tham gia bảo hiểm với số sổ 4507022479, đóng bảo hiểm từ tháng 01/2011 đến tháng 6/2022 thì thôi việc.

Đến tháng 8/2023, chị G làm hồ sơ rút bảo hiểm thì không được do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2008 đến tháng 7/2008. Đây là thời gian em Dương Thị Kim N làm việc và được Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên Dương Thị Mỹ G.

Vì vậy, nay chị G yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH S với chị Dương Thị Kim N đứng dưới tên Dương Thị Mỹ G là vô hiệu, mục đích để chị G đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần theo quy định.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH S có văn bản trình bày ý kiến:

Do nhân sự công ty thay đổi liên tục. Vào thời điểm năm 2018, Công ty TNHH S bị cháy, một số dữ liệu bị mất, cơ sở dữ liệu phải cập nhật lại, khi cập nhật từ giai đoạn 2018 đến nay không có thông tin của chị Dương Thị Mỹ G. Vì vậy hiện tại công ty không còn lưu trữ hồ sơ gì liên quan đến chị Dương Thị Mỹ G.

Việc chị Dương Thị Mỹ G cho rằng chị G cho chị Dương Thị Kim N mượn giấy chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty TNHH S thì Công ty không được biết.

Nay chị G thừa nhận cho người khác mượn giấy tờ để xin việc công ty và yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị N (đứng dưới tên Dương Thị Mỹ G) và Công ty TNHH S vô hiệu nhằm mục đích nhận tiền bảo hiểm và không tranh chấp, yêu cầu liên quan đến các nội dung khác thì Công ty TNHH S không có ý

kiến và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị G theo quy định pháp luật.

Do bận công việc nên nay Công ty TNHH S đề nghị Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng tiến hành giải quyết việc dân sự vắng mặt Công ty TNHH S. Công ty TNHH S đồng ý với yêu cầu của chị Dương Thị Mỹ G về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động từ tháng 11/2007 đến tháng 07/2008 được ký kết giữa Công ty TNHH S với chị Dương Thị Kim N đứng dưới tên Dương Thị Mỹ G là vô hiệu. Ngoài ra, Công ty TNHH S không có yêu cầu gì trong việc lao động trên.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Dương Thị Kim N trình bày:

Chị N và chị Dương Thị Mỹ G là chị em ruột. Năm 2007, chị có mượn giấy chứng minh nhân dân của chị G để đi làm tại Công ty TNHH S. Chị làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 11/2007 đến tháng 07/2008 và được Công ty T1 với số sổ bảo hiểm xã hội là 4507022479. Chị N đã được giải quyết chế độ BHXH 1 lần quá trình đóng BHXH tại Công ty TNHH S từ tháng 11/2007 đến tháng 07/2008.

Nay chị G yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị N (đứng tên chị Dương Thị Mỹ G) với Công ty TNHH S năm 2008 là vô hiệu thì chị thống nhất, việc chị mượn chứng minh nhân dân của chị G chỉ nhằm mục đích để làm việc chứ không có mục đích gì khác. Sau khi Tòa án giải quyết vô hiệu thì chị G được làm các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội với tên chị G theo đúng quy định, chị không có ý kiến gì cũng không có yêu cầu gì trong việc này. Đối với tiền lương, thưởng, các chế độ...trong quá trình làm việc thực tế tại Công ty TNHH S thì chị đã được nhận đủ nên chị không có bất cứ yêu cầu gì.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thị xã T, tỉnh Tây Ninh - chị Lâm Thị Hồng T có văn bản trình bày ý kiến ngày 15/02/2024:

Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp của bà Dương Thị Mỹ G sinh ngày 02/02/1988 (CCCD: 083188003097) với mã số BHXH: 4507022479 tại Công ty TNHH S1 đã được giải quyết chế độ BHXH 1 lần theo Quyết định số 6274 ngày 21/10/2010.

Kiến nghị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng xem xét tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa chị Dương Thị Mỹ G và Công ty TNHH S1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết yêu cầu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự và đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết việc lao động.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 127 Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật lao động và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc lao động xem xét quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Dương Thị Mỹ G. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Dương Thị Mỹ G, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ E, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang và Công ty TNHH S là vô hiệu.

2. Chị G phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Dương Thị Mỹ G yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Dương Thị Kim N (đứng dưới tên Dương Thị Mỹ G) và Công ty TNHH S vô hiệu. Đây là yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH S có trụ sở tại Lô A KCX L III, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH S với chị Dương Thị Kim N đứng dưới tên Dương Thị Mỹ G là vô hiệu thấy rằng: chị Dương Thị Kim N và chị Dương Thị Mỹ G đều thống nhất trình bày, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2007 đến tháng 07/2008 chị N có mượn chứng minh nhân dân của chị G để làm việc tại Công ty TNHH S và được Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho chị G từ tháng 11/2007 đến tháng 07/2008 với số sổ bảo hiểm xã hội là 4507022479. Chị Dương Thị Kim N (dưới tên Dương Thị Mỹ G) đã ký kết với Công ty TNHH S.

Công ty TNHH S cũng có văn bản trình bày ý kiến: việc chị Dương Thị Mỹ

G cho rằng chị G cho chị Dương Thị Kim N mượn chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty TNHH S thì Công ty không được biết. Nay chị G thừa nhận cho người khác mượn giấy tờ để xin việc công ty và yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị N (đứng dưới tên Dương Thị Mỹ G) và Công ty TNHH S vô hiệu nhằm mục đích nhận tiền bảo hiểm và không tranh chấp, yêu cầu liên quan đến các nội dung khác thì Công ty TNHH S không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của chị G theo quy định pháp luật. Ngoài ra, Công ty TNHH S không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

Năm 2008, chị G làm việc tại Công ty TNHH H và được tham gia bảo hiểm với số sổ là 7208010713, đóng bảo hiểm từ tháng 6/2008 đến tháng 12/2008 thì thôi việc.

Như vậy, việc chị Dương Thị Kim N mượn chứng minh nhân dân và sử dụng thông tin cá nhân của chị Dương Thị Mỹ G để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “*Trung thực*”, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động nên hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội T đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Dương Thị Mỹ G và qua đối chiếu quá trình tham gia bảo hiểm xã hội thể hiện: Thời gian đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ tháng 11/2007 đến tháng 07/2008 tại Công ty TNHH S và Công ty TNHH H với số sổ bảo hiểm xã hội là 4507022479 và 7208010713. Do đó, nay chị Dương Thị Mỹ G yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH S với chị Dương Thị Kim N (do sử dụng thông tin của chị Dương Thị Mỹ G để giao kết hợp đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Chị Dương Thị Mỹ G phải chịu lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Dương Thị Mỹ G.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Dương Thị Mỹ G, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ E, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (do chị Dương Thị Kim N ký kết) với Công ty TNHH S là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: chị Dương Thị Mỹ G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị G đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014986 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị G đã nộp xong lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CCTHA thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Phạm Minh Tú